TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

Số: 05/2021/DSST
Ngày 22/01/2021
V/v: "Tranh chấp đòi tiền nợ phường"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Vân

2. Ông Hoàng Ngọc Năm

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: không.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST- DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp đòi tiền nợ họ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị A, sinh năm 1966

Địa chỉ: thôn 2, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Lương Thị Ư, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn 5, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn bà Lương Thị Ư không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2020, bản tự khai ngày 15/12/2020 và lời trình bày tại phiên hòa giải và phiên tòa nguyên đơn là bà Lương Thị A thể hiện:

Do có mối quan hệ quen biết nên khi bà Ư ông Chrủ tôi chơi phường do bà Ư cầm cái, tôi đã tham gia chơi một suất trong dây phường 28 suất, mỗi suất chơi là đóng 2.000.000 đồng, phường mua bán nên các con phường được chia tiền lãi từ số tiền người lấy phường mua, chơi đến ngày 23/7/2019 còn lại 3, 4 suất chưa lấy, trong đó có tôi. Tôi

đóng tiền phường đều đặn hàng tháng, đến ngày 23/7/2019, bà Ư dừng phường, tiền lời phường bà Ư xin, còn tiền gốc của tôi là 99.400.000 đồng, bà Ư không trả. Bà Ư có viết giấy nhận nợ tiền phường của tôi và trong giấy có hẹn là là tháng 02/2020 âm lịch sẽ trả cho tôi mỗi tháng 2.000.000 đồng đến hết khoản tiền này, nhưng đến hẹn vẫn không trả. Sau đó tôi có lấy hàng trừ nợ với bà Ư với giá trị hàng là 550.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 98.850.000 đồng (Chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), bà Ư không trả cho tôi đồng nào, dù tôi đã nhiều lần đòi nợ.

Nay để đảm bảo quyền lợi cho mình, tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lương Thị Ư phải trả toàn bộ số tiền nợ phường mà bà Ư còn nợ tôi là 98.850.000 đồng (Chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), trả làm một lần, không yêu cầu bà Ư phải trả lãi. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, tôi có trình bày là yêu cầu cả bà Ư và chồng là ông Ch phải trả khoản nợ phường cho tôi, nhưng thực tế tôi trực tiếp chơi phường với bà Ư, bà Ư tự viết giấy nhận nợ, không liên quan đến ông Ch nên nay tôi chỉ yêu cầu bà Ư có nghĩa vụ trả cho tôi khoản nợ tiền phường nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 15/12/2020, lời trình bày tại biên bản hòa giải của bị đơn bà Lương Thị Ư thể hiện:

Tôi có cầm cái phường nhưng vì con phường lấy và bỏ chạy, không đóng tiền cho tôi nên tôi phải dừng phường. Số tiền phường tôi còn nợ bà A là 99.400.000 đồng, bà A đã xuống lấy hàng của tôi trị giá là 550.000 đồng, nay tôi còn nợ bà A là 98.850.000 đồng. Tôi sẽ trả một tháng 2.000.000 đồng cho đến hết số nợ trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc bà Lương Thị A chơi phường do bà Lương Thị Ư mở dây phường và đứng cái, dây phường chấm dứt sớm, nguyên nhân do một số người chơi đã lấy phường và không tiếp tục đóng, bà Ư nợ số tiền đóng phường của bà Lương Thị A là 99.400.000 đồng. Sau đó bà A đã lấy nợ bằng hàng của bà Ư với giá trị là 550.000 đồng. Số tiền phường bà Ư còn nợ bà A là 98.850.000 đồng (Chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Như vậy, đây là tranh chấp "Đòi tiền nợ phường" thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về bị đơn: Mặc dù trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn đều trình bày bà Ư và chồng là ông Ch nợ tiền phường, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn đã khẳng định toàn bộ quá trình chơi phường nguyên đơn chỉ giao dịch với bà Ư, đồng thời trong giấy nhận nợ chỉ bà Ư ký tên, nguyên nhân không trả được tiền phường là do một số người chơi đã lấy tiền và không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đóng hàng tháng, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Ư có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền nợ họ. Vì vậy, thực tế người nợ tiền phường của bà A là bà Ư nên xác định bà Ư là bị đơn trong vụ án là phù hợp quy định của pháp luật. Bị đơn là bà Lương Thị Ư có địa chỉ thường trú tại xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 20/01/2021, do bị đơn là bà Lương Thị Ư vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bà Lương Thị Ư tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A đề nghị buộc bà Lương Thị Ư phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ phường còn nợ là 98.850.000 đồng (Chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), bà Ư cũng xác nhận hiện nay đang nợ bà A số tiền nêu trên. Nay bà Ư do khó khăn nên không thể trả làm một lần toàn bộ số tiền nợ phường như đã hẹn dẫn đến phát sinh tranh chấp về "Đòi tiền nợ phường" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 7, 8 Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Bà Ư thừa nhận cho đến thời điểm hiện tại đang nợ tiền phường của bà A là 98.850.000 đồng (Chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng). Giấy nhận nợ do bà Ư ký nhận, quá trình nhóm họ chưa đem được lợi ích gì về cho gia đình vì các người chơi lấy phường và trốn tránh không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đóng phường, do đó trách nhiệm trả nợ thuộc về bà Ư. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A, buộc bà Ư phải trả cho bà A số tiền nợ phường còn lại là 98.850.000 đồng (Chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về phương thức trả nợ: Bà Lương Thị A yêu cầu bà Lương Thị Ư phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ họ là 98.850.000 đồng (Chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), trả làm một lần. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà Ư đề nghị được trả dần hàng tháng với số tiền trả mỗi tháng là 2.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị A, buộc bà Lương Thị Ư phải trả cho bà A toàn bộ số tiền 98.850.000 đồng (Chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) làm một lần.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lương Thị Ư phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là: 98.850.000 đồng x 5% = 4.942.500 đồng (Bốn triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 khoản 3 Điều 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị A. Buộc bà Lương Thị Ư phải trả cho bà Lương Thị A số tiền nợ họ là 98.850.000 đồng (Chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn là bà Lương Thị Ư phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.942.500 đồng (Bốn triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn là bà Lương Thị Ư được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND h. H;*
- *Chi cục THA DS h. H;*
- *UBND xã Tr;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Năm **Đỗ Thị Vân** **Lê Thị Ngọc Tú**